

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 101/BIO-ORGANIC/2024

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Mã số doanh nghiệp: 0108117821

Ngày cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm Tỉnh Hưng Yên.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung MIN MILK (Dành cho người từ 18 tuổi trở lên)**

**2. Thành phần trong 100g sản phẩm:**

Sữa bột, Chất đạm, Chất béo, Chất xơ, Bột các loại hạt (Bột đậu xanh, Bột hạt óc chó (20mg/100g), Bột hạt hạnh nhân, Đạm hạnh nhân, Bột hạt sen, Bột gạo lứt), Bột yến sào (5mcg/100g), Sữa non, DHA, Lysine, Natri, Canxi, Magie, Sắt, Kẽm, Iod, Mangan, Selen, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B9, Vitamin B12, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin H(Biotin), Hương sữa và hương vani dùng trong thực phẩm.

**3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe).**

**4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

**5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**5.1. Quy cách đóng gói**

- Đóng lon: 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon.



- Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g.
- Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

## **5.2. Chất liệu bao bì**

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (Polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

## **6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC
- Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

## **III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu dự thảo nhãn sản phẩm)**

## **IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 về nhãn hàng hóa;
- Thông tư hợp nhất của Bộ y tế Quy định về quản lý thực phẩm chức năng;
- Thông tư hợp nhất quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;
- Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Theo: QCVN 8-3:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.



- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất số: 101/BIO-ORGANIC/2024/TCSX và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc đảm bảo ATTP theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hung Yên, ngày tháng năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Liều*



**BẢN TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT**

**Số: 101/BIO-ORGANIC/2024/TCSX**

**Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung MIN MILK (Dành cho người từ 18 tuổi trở lên)**

**1. Tên, địa chỉ cơ sở công bố sản phẩm và sản xuất:**

Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

**2. Chỉ tiêu cảm quan:**

TT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột, đồng nhất, không vón cục, không lẫn tạp chất lạ
2	Màu sắc	Từ màu trắng sữa đến vàng nhạt đồng đều
3	Mùi vị	Thơm ngon, đặc trưng của sản phẩm

**3. Thành phần trong 100g sản phẩm:**

Sữa bột, Chất đạm, Chất béo, Chất xơ, Bột các loại hạt (Bột đậu xanh, Bột hạt óc chó (20mg/100g), Bột hạt hạnh nhân, Đạm hạnh nhân, Bột hạt sen, Bột gạo lứt), Bột yến sào (5mcg/100g), Sữa non, DHA, Lysine, Natri, Canxi, Magie, Sắt, Kẽm, Iod, Mangan, Selen, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B9, Vitamin B12, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin H(Biotin), Hương sữa và hương vani dùng trong thực phẩm.

**4. Chỉ tiêu chất lượng:**

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal	408



Chất đạm	g	11,5
Carbonhydrate	g	54,5
Chất béo	g	16
Chất xơ	g	2
Đường tổng số	g	12
DHA(10%)	mg	4,5
Sữa non	mcg	20000
Natri	mg	20
Lysin	mg	450
Canxi	mg	225
Magie	mg	28
Kali	mg	120
Kẽm	mg	1,5
Sắt	mg	3,5
Vitamin A	IU	330
Vitamin B1	mcg	265
Vitamin B2	mcg	355
Vitamin D3	IU	100

Hàm lượng thực tế tối thiểu đạt 80% so với giá trị được công bố.

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

## 5. Chỉ tiêu an toàn:

### 5.1. Giới hạn về độc tố vi nấm.

## 8. Thời hạn sử dụng:

- 24 tháng kể từ ngày sản xuất, NSX và HSD xem ở đáy lon.

## 9. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

### 9.1. Quy cách đóng gói:

- Đóng lon: 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 650g/lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon.
- Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g.
- Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### 9.2. Chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (Polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

**10. Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản sản phẩm ở nơi khô sạch, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh. Đóng kín sau mỗi lần sử dụng.

### 11. Lưu ý sử dụng:

- Đóng nắp cẩn thận sau mỗi lần sử dụng tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm.
- Nên sử dụng sản phẩm trước khi hết hạn sử dụng và sử dụng hết trong vòng 4 tuần sau khi mở nắp lon.

Hung Yên, ngày tháng năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÔNG BỐ  
SẢN PHẨM VÀ SẢN XUẤT**



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Tiêu*

399X140



**ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG**

- Dành cho người từ 18 tuổi trở lên bao gồm:
- Người phụ nữ đang mang thai,
- Người sử dụng cần bổ sung năng lượng.

**THÀNH PHẦN:** Tổng cộng các phần

Sữa bột, Chất béo, Chất xơ, Bột các loại hạt (Bột đậu nành, Bột hạt óc chó (20mg/100g), Bột hạt hạnh nhân, Bột hạnh nhân, Bột hạt socola, Bột hạt socola, Bột hạt socola (100g), Sữa non, DHA, Lecithin, Kẽm, Canxi, Magnesi, Sắt, Kẽm, Biotin, Mangan, Selen, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B9, Vitamin B12, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin H, Vitamin K, Vitamin E và hương vị đang trong thực phẩm.

**BẢO QUẢN:** Nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh sáng trực tiếp.

- \* Không được dùng chung với một loại, người dùng điều trị cần hỏi ý kiến bác sĩ.
- \* Dùng được cho người bị tiểu đường.

**LƯU Ý**

- Hợp của nguyên liệu phong phú, giàu dinh dưỡng bị tẩy rửa, HSD - NSX.
- Liên hệ: 0912 206 286, 0987 739 397 để được tư vấn người bán chính hãng.

Nguồn sản xuất và phân phối: Công ty Tâm Đức Phát

Thông tin phân phối độc quyền sản phẩm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂM ĐỨC PHÁT**

Địa chỉ: Đại lộ 2, Phú Xuân, TP. Thủ Đức, Tỉnh Thủ Đức

Thông tin phân phối độc quyền sản phẩm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ: Đà Nẵng, Xã Bãi Sỏi, Huyện An Khê, Tỉnh Quảng Bình

Xuất xứ: Việt Nam

Kiểu dáng: TÍN  
650g

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

Pha 1 muỗng canh bột sữa với 50g - 65ml nước. Khuấy đều và dùng ngay.  
Pha 2 muỗng canh bột sữa với 100g - 120ml nước. Khuấy đều và dùng ngay.  
Pha 3 muỗng canh bột sữa với 150g - 180ml nước. Khuấy đều và dùng ngay.



**THÔNG TIN DINH DƯỠNG MIN MILK**

TÊN CHẤT THỬ	ĐƠN VỊ	THÀNH PHẦN	TARGET VALUE	UNIT	PER 100G
Năng lượng	Kcal	400	Energy	Kcal	400
Chất béo	g	11.5	Protein	g	11.5
Carbohydrate	g	54.5	Carbohydrates	g	54.5
Chất xơ	g	1.0	Fat	g	1.0
Đường tổng số	g	2	Fiber	g	2
(SUGAR)	g	13	Total sugar	g	13
Sữa non	mg	4.5	(SUGAR)	mg	4.5
Calcium	mg	20000	Calcium	mg	20000
Iron	mg	20	Iron	mg	20
Vitamin A	mg	450	Vitamin A	mg	450
Vitamin B1	mg	235	Vitamin B1	mg	235
Vitamin B2	mg	265	Vitamin B2	mg	265
Vitamin D3	IU	100	Vitamin D3	IU	100

(Phần hướng dẫn về liều lượng các chất dinh dưỡng có thể thay đổi tùy theo nhu cầu)

BN: 240229-001/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2402248

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Analytical Results



Tên mẫu / Sample name : **Thực phẩm bổ sung MIN Milk**  
**Dành cho người từ 18 tuổi trở lên**  
Khách hàng / Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**  
Địa chỉ / Address : **Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên**  
Mô tả mẫu / Sample description : **Mẫu sữa bột đựng trong bao bì kín**  
Nền mẫu / Matrix : **Thực phẩm bổ sung MIN Milk**  
**Dành cho người từ 18 tuổi trở lên**  
Số lượng mẫu / Number of sample: **01**  
Ngày nhận mẫu / Date of sample received : **29/02/2024**  
Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery: **07/03/2024**

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2402248	Arsen (As) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M <sub>1</sub>	KPH	0.025	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Aflatoxin B <sub>1</sub>	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Patulin	KPH	1.0	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Fumonisin	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018





BN: 240229-001/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2402248

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
*Analytical Results*

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2402248	Melamin	KPH	1.0	mg/kg	Ref. TCVN 9048-2012
	Gluten	KPH	0.05	g/100g	TCVN 7871-1:2008
	<i>Bacillus cereus</i> giả định <sup>(*)</sup> (b)	<10	-	CFU/g	TCVN 4992:2005
	<i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase <sup>(*)</sup> (b)	<10	-	CFU/g	TCVN 4830-1:2005
	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> ( <i>Staphylococcal enterotoxin</i> )	KPH	-	/25g	TCVN 9582:2013
	<i>Listeria monocytogenes</i>	KPH	-	/25g	ISO 11290-1:2017
	<i>Salmonella</i> spp. <sup>(*)</sup> (b)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017
	<i>Cronobacter sakazakii</i>	KPH	-	/10g	TCVN 7850:2018
	<i>Enterobacteriaceae</i> <sup>(*)</sup> (b)	<10	-	CFU/g	ISO 21528-2:2017



**Ghi chú/Note :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên /The results only valid for the sample encoded as above
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / The results shall not be reproduced except in full , without the written approval of the director
- (\*) Phương pháp được Vilas công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation ( VILAS)
- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / The parameters tested by subcontractor
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / Lab approved by Ministry of Health
- LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/According to the test method, the result of microbiology is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 MPN/g hoặc MPN/ml nghĩa là không có phản ứng cho thấy sự phát triển của vi sinh vật đích trong môi trường nuôi cấy /According to the test method, the result of microbiology is expressed 0 MPN/g or MPN/ml as there is not reaction indicated growth of target microorganism in culture medium.
- Đối với chất lượng của nước, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 nghĩa là không có phát hiện khuẩn lạc trong thể tích mẫu được phân tích / Water quality, the result of microbiology is expressed 0 as not detected colony in the sample volume tested.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

**Thái Huỳnh Thực**

**Giám Đốc**  
Director  
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN  
TS. Phạm Kim Phương

